

Hà Tĩnh, ngày 7 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG - NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Văn phòng Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2025 như sau:

A PHẦN SỐ LIỆU

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 6 tháng năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	200,00	197,200	98,60	113,14
1	Thu lệ phí				
2	Thu phí	200,00	197,200	98,60	113,14
2.1	Phí, lệ phí kinh doanh thương mại có điều kiện	56,0	32,7	58,39	75,69
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	90,000	90,00	88,37
2.3	Phí, lệ phí TD cấp Giấy phép HĐ điện lực	4,8		-	
2.4	Phí TD cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	10,5	6	57,14	47,06
2.5	Phí TD cấp giấy CN cơ sở đủ điều kiện ATTP	25,5	68,5	268,63	570,83
2.6	Phí cấp giấy CN đủ điều kiện SX, KD hóa chất	3,2		-	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	155,1	23,05	14,87	37,57
1	Chi sự nghiệp kinh tế				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	155,05	23,050	14,87	37,57
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	155,05	23,050	14,87	37,57
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 6 tháng năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	44,95	39,650	88,21	110,41
1	Lệ phí				
2	Phí	44,95	39,650	88,21	110,41
2.1	Phí, lệ phí kinh doanh thương mại có điều kiện	28,0	16,35	58,39	75,69
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	10	9	90,00	88,37
2.3	Phí, lệ phí TD cấp Giấy phép HĐ điện lực	0,5	0	-	
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ CN	1,1	0,6	57,14	47,06
2.5	Phí TD cấp giấy CN cơ sở đủ điều kiện ATTP	5,1	13,7	268,63	570,83
2.6	Phí TD cấp CN đủ điều kiện SX KD hóa chất	0,3	0	-	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.009,0	5.394,53	35,94	151,40
1	Chi quản lý hành chính	11.553,0	4.593,00	39,76	128,90
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.017	4.557,34	45,50	134,43
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.536,0	35,67	2,32	20,62
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	27	13,710	50,78	167,20
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27	13,710	50,78	167,20
3	Chi hoạt động kinh tế	3.429	787,82	22,98	112,23
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.429	787,82	22,98	112,23

B PHẦN THUYẾT MINH

1 Thu phí và lệ phí

Tổng số thu 197,2 triệu đồng, đạt 98,6% kế hoạch được giao trong năm, vượt 12,14% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nộp ngân sách nhà nước 39,65 triệu đồng, đạt 88,21% so với kế hoạch giao đầu năm, vượt 10,41% so với cùng kỳ

Thu nộp ngân sách nhà nước 39,65 triệu đồng, đạt 88,21% so với kế hoạch giao đầu năm, vượt 10,41% so với cùng kỳ

2 Phần chi ngân sách

2.1 Chi thực hiện quản lý nhà nước nguồn tự chủ 4.557.335.903 đồng, đạt 45,5% Kế hoạch được giao, vượt 34,43% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương: 3.750.783.000 đồng

Chi phúc lợi tập thể: 266.590.000 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm, thuê mướn: 236.630.503 đồng

Chi hỗ trợ đại hội Đảng: 49.870.000 đồng

Chi công tác phí, Hội nghị: 40.589.000 đồng

Chi các khoản khác: 212.873.400 đồng

2.2 Chi Quản lý Nhà nước nguồn không tự chủ: 35.666.000 đồng, đạt 2,32% so với Kế hoạch được giao, đạt 20,62% so với cùng kỳ năm trước

2.3 Chi sự nghiệp 787.820.600 đồng, đạt 22,98 % kế hoạch được giao, vượt 12,23% so với cùng kỳ cụ thể:

Chi sự nghiệp công nghiệp: 368.362.200 đồng

Chi sự nghiệp thương mại: 419.458.400 đồng

2.4 Chi đào tạo: 13.710.000 đồng đạt 50,78% Kế hoạch được giao, vượt 67,2% so với cùng kỳ

Ngày 7 tháng 4 năm 2025

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Thanh Hòa

